

Số: /KH-UBND

Lâm Thao, ngày tháng 3 năm 2023

**KẾ HOẠCH
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2023**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 22/12/2017 của Tỉnh ủy Phú Thọ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Quyết định số 823/QĐ-UBND của UBND tỉnh chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP. Các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt giai đoạn 2021- 2025.

Kế hoạch số 59-KH/HU ngày 12/02/2018 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới. Các kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt giai đoạn 2020-2025.

Quyết định số 1207/QĐ-SYT ngày 26/12/2022 của Sở Y tế, Kế hoạch số 20/KH-CCDS ngày 03/03/2023 của Chi cục DS-KHHGD tỉnh Phú Thọ về Kế hoạch hướng dẫn thực hiện công tác Dân số và Phát triển (DS&PT) năm 2023.

Quyết định 5766/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện về một số chủ trương, biện pháp chỉ đạo, quản lý và điều hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và đầu tư công năm 2023; Quyết định số 5765/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về giao chỉ tiêu Kế hoạch nhà nước năm 2023.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tập trung mọi nỗ lực giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tỷ số giới tính khi sinh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, mô hình, đề án về cơ cấu dân số và nâng cao chất lượng dân số.

2. Chỉ tiêu

2.1. Chỉ tiêu chuyên môn

- Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số (%): 0,73
- Tỷ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ): 113
- Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh (điểm %): 0,1
- Tỷ lệ sử dụng các BPTT (%): 50
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (SLTS) %: 100
- Tỷ lệ trẻ em mới sinh được tầm soát (SLSS) %: 70

- Tăng tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm 15% so với năm 2022.

- Tăng tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 5% so với năm 2022.

Tổng số người mới thực hiện BPTT hiện đại(ca): 6.951

Trong đó:

- | | |
|-------------------------------|-------|
| - Dụng cụ tử cung (ca): | 1.050 |
| - Bao cao su (ca): | 2.800 |
| - Thuốc uống tránh thai (ca): | 3.000 |
| - Thuốc tiêm tránh thai (ca): | 80 |
| - Thuốc cấy tránh thai (ca): | 21 |

2.2. Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Để đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, UBND huyện giao chỉ tiêu chuyên môn về dân số cho các xã, thị trấn. Cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tỉ lệ tăng tự nhiên dân số: 0,73%.

(phụ lục số 01 kèm theo).

- Chỉ tiêu số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại:

(phụ lục số 02 kèm theo).

- Chỉ tiêu tỷ lệ được tầm soát sàng lọc trước sinh, sơ sinh.

Thực hiện theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

- Chỉ tiêu tăng tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn là 5% so với năm 2022.

- Chỉ tiêu tăng tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm. là 15% so với năm 2022.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Điều chỉnh mức sinh

- Tăng cường truyền thông đại chúng, chú trọng truyền thông trực tiếp; phát triển những tiện ích, lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông số. Chuyển nội dung truyền thông, giáo dục từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Đổi mới và đa dạng hóa hình thức, phương pháp, nội dung truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tăng cường truyền thông đại chúng, chú trọng truyền thông trực tiếp; phát triển những tiện ích, lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông số.

- Tập trung tuyên truyền vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Đối tượng chủ yếu: các cặp vợ chồng sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Bảo đảm miễn phí BPTT hiện đại tất cả người dân có nhu cầu tránh thai đang cư trú trên địa bàn huyện, bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; người đơn thân; vị thành niên, thanh niên; người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

2. Thực hiện các chương trình đề án

2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Truyền thông nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi đối với công tác kiểm soát MCBGTKS: Cung cấp đầy đủ, thường xuyên các thông tin về tình trạng MCBGTKS, nguyên nhân, hệ lụy và giải pháp đến lãnh đạo Đảng, chính quyền, thành viên BCĐ công tác DS&PT các cấp, tổ chức CT-XH và người có uy tín trong cộng đồng. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và trên các nền tảng mạng xã hội Zalo, tiktok..... Tổ chức các hoạt động truyền thông về MCBGTKS.

- Tổ chức giáo dục kiến thức về giới, giới tính trong nhà trường: với nội dung, hình thức phù hợp cho từng cấp học nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành bình đẳng giới và tạo cơ sở nhận thức về thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và kiểm soát giới tính khi sinh cho thế hệ trẻ.

- Tổ chức các hội nghị biểu dương, khen thưởng trẻ em gái trong các gia đình sinh con một bé là gái chăm ngoan, học giỏi.

- Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về kiểm soát MCBGTKS cho cán bộ làm công tác dân số các cấp; nâng cao kiến thức MCBGTKS cho những người có uy tín trong cộng đồng.

- Nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh hoạt động liên ngành, nhằm tăng cường kiểm tra các hoạt động liên quan để ngăn chặn và phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm các qui định của Pháp luật nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

2.2. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Mở rộng hệ thống tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS). Cử cán bộ tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý hậu cần, theo dõi quản lý đối tượng. tập huấn về thực hiện công tác dân số, bao gồm cung ứng PTTT phi lâm sàng, quản lý đối tượng thực hiện... cho CTV dân số khu DC.

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy, linh hoạt trong cung cấp dịch vụ lâm sàng tại các cơ sở y tế và phi lâm sàng qua mạng lưới công tác viên dân số. Huy động tối đa việc cấp phát PTTT phi lâm sàng tại nhà cho đối tượng có nhu cầu, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ tránh thai trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGD/SKSS) tại các xã, thị trấn có mức sinh cao.

- Triển khai tiếp thị xã hội các PTTT và các hoạt động của Đề án 818 tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa dịch vụ KHHGD/SKSS đến năm 2030:

+ Kênh phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội (TTXH):

Tiếp tục thực hiện TTXH các PTTT phù hợp cho đối tượng có nhu cầu sử dụng để tránh thai thông qua mạng lưới TTXH.

Cục Dân số cung cấp sản phẩm TTXH. Các đơn vị thực hiện TTXH (Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ và các đơn vị khác được giao) triển

khai TTXH theo quy định. Chi cục DS-KHHGD, Trung tâm DS-KHHGD tham gia làm đại lý và cán bộ dân số cấp xã, CTV dân số tham gia bán lẻ các sản phẩm PTTT.

+ Kênh phương tiện tránh thai xã hội hóa (XHH):

Tiếp tục thí điểm bán PTTT theo cơ chế XHH cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng để tránh thai thông qua màng lưới của Đề án 818 trên địa bàn toàn huyện.

Cục Dân số bảo đảm nguồn cung cấp các sản phẩm PTTT. Các đơn vị phân phối, Trung tâm DS-KHHGD đăng ký tham gia làm đại lý và tổ chức màng lưới bán lẻ các sản phẩm.

2.3. Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN

(Thực hiện khi có hướng dẫn cụ thể của Chi cục DS-KHHGD tỉnh Phú thọ).

2.4. Kế hoạch xã hội hóa phương tiện tránh thai và DV KHHGD/SKSS

(Thực hiện khi có hướng dẫn cụ thể của Chi cục DS-KHHGD tỉnh Phú thọ).

2.5. Kế hoạch xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung

(Thực hiện khi có hướng dẫn cụ thể của Chi cục DS-KHHGD tỉnh Phú thọ).

2.6. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

- Thí điểm một số mô hình cung cấp dịch vụ tại cụm công nghiệp, địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, vận hành các cơ sở cung cấp dịch vụ của Kế hoạch (theo hướng dẫn của Chi cục DS-KHHGD).

- Tuyên truyền, vận động thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết, thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát trước sinh và tầm soát sơ sinh.

- Cử cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, người cung cấp dịch vụ tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

2.6.1. Dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

- Tổ chức các hoạt động truyền thông tại cộng đồng: nói chuyện chuyên đề, hội thảo, thăm hộ gia đình... vận động thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết, thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát trước sinh và tầm soát sơ sinh.

- Xây dựng các cụm pa nô, in tờ rơi, áp phích phục vụ truyền thông tại khu, nơi tập trung đông dân cư và tại các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ tầm soát trước sinh, tầm soát sơ sinh; khám, tư vấn tiền hôn nhân.

- Duy trì, củng cố, xây dựng mới các loại hình Câu lạc bộ (CLB): tiền hôn nhân; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; các bà mẹ có con tuổi vị thành niên, thanh niên; gia đình hạnh phúc; góc thân thiện...

- Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại Công ty, cụm công nghiệp và địa bàn khó tiếp cận.

2.6.2. Dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh

- Vận động, tư vấn các đối tượng tham gia sàng lọc trước sinh bằng kỹ thuật máu mẹ; tổ chức đăng ký sàng lọc. Cộng tác viên dân số thống kê đầy đủ đối tượng đã thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Duy trì triển khai cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh hiện có. Rà soát, bổ sung các cơ sở đủ điều kiện để tăng điểm cung cấp dịch vụ trước sinh và sơ sinh.

2.6.3. Một số nội dung hoạt động của Chương trình

- Với các đối tượng miễn phí gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản thực hiện theo Công văn số 146/BYT-TCDS của Bộ Y tế

- Quản lý, chăm sóc trường hợp nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1807/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

- Thống kê, tổng hợp báo cáo các đối tượng đã thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn tại công văn số 877/TCDS-CCDS của Tổng cục DS-KHHGD (Có kế hoạch hướng dẫn riêng).

2.7. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tăng cường các hoạt động truyền thông; hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; xây dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi;

- Triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Triển khai hướng dẫn Người cao tuổi sử dụng ứng dụng chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi (S-Health)

- Thực hiện chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức triển khai tập huấn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho người cao tuổi; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Thực hiện chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2.8. Truyền thông dân số

- Cung cấp thông tin cập nhật, thông tin chuyên đề về DS&PT.

- Tăng cường tham mưu, thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin chuyên đề về dân số và phát triển nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin.

- Cung cấp thông tin cập nhật, thông tin chuyên đề về DS&PT đến các tổ chức Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể huyện, xã.

- Cung cấp các bản tin, tài liệu vận động về DS&PT cho các cấp lãnh đạo (bản tin, sách mỏng, các báo cáo tổng hợp...).

Nhân bản các tài liệu, sản phẩm truyền thông.

- Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức CT-XH tham gia truyền thông và giáo dục về dân số.

- Tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho các thành viên, hội viên và nhân dân cư trú trên địa bàn xã, thị trấn....

- Huy động những người có uy tín trong cộng đồng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về DS&PT; lồng ghép nội dung truyền thông DS&PT vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian; đưa các tiêu chí về DS&PT vào hương ước, quy ước của khu.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách DS&PT.

- Truyền thông của các cơ quan truyền thông đại chúng. Tập trung khai thác, phát triển lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại

- Thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển lên fanpage, youtube, trang web (ít nhất 50% nội dung truyền thông về DS&PT được đưa lên các trang mạng).

- Tăng cường truyền thông qua hệ thống mạng điện thoại di động, các mạng xã hội Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok; gắn các banner truyền thông trên các trang web có nhiều người truy cập. Tham gia các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về DS&PT trên nền tảng mạng xã hội, Internet.

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp; mít tinh, cổ động, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số tại các cấp.

- Tổ chức các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD đến xã, thị trấn có tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên cao.

- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số khi đến thăm hộ gia đình.

- Khuyến khích các đơn vị truyền thông tham gia và mở rộng các hình thức truyền thông về DS&PT.

- Triển khai mở rộng các hình thức truyền thông phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng. Cung cấp tài liệu truyền thông cho xã, thị trấn

- Phối hợp kiểm tra điểm tư vấn tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình và kỹ năng tư vấn; bảo đảm nội dung tư vấn chính xác theo đúng các quy định.

- Mở rộng các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên.

- Đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, KHHGD/SKSS.

- Cung cấp các sản phẩm truyền thông và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

- Nâng cao hiệu quả giáo dục dân số và phát triển.

Bổ sung nội dung, hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ theo các chuyên đề về DS&PT cho học sinh của các Trường THCS; THPT.

Tổ chức các đợt trọng điểm, chiến dịch truyền thông giáo dục gắn với tư vấn cho học sinh tại các trường THCS, THPT.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ truyền thông

Tham gia tập huấn về nghiệp vụ truyền thông cho đội ngũ cán bộ truyền thông dân số các cấp và các ban ngành đoàn thể.

2.9. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số

- Ổn định tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGD các cấp. Thực hiện đề án sáp nhập Trung tâm DS-KHHGD vào Trung tâm Y tế. Triển khai thực hiện theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của CTV dân số.

- Cử cán bộ Dân số tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

2.10. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

- Tổng kết công tác đội Sở A0 theo hướng dẫn của Chi cục DSKHHGD.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và gián tiếp cho: Hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số (MIS) các cấp; hệ thống tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS); Bản đồ điện tử dân số (MPS) và các phần mềm có liên quan.

2.11. Thực hiện chính sách khuyến khích - thi đua khen thưởng

- Khuyến khích tập thể có thành tích xuất sắc; đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của cấp thôn và tổ chức thực hiện. Khuyến khích cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số.

- Phát động phong trào thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các địa phương, đơn vị và cá nhân đạt kết quả công tác tốt.

2.12. Kiểm tra, giám sát, chuyên ngành

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát chuyên ngành các vi phạm chính sách dân số; xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân vi phạm. Kiểm tra chuyên ngành các cơ sở cung cấp dịch vụ liên quan.

- Kiểm tra, giám sát theo Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác dân số; chú trọng kiểm tra các hành vi liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi, xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân vi phạm.

IV. KINH PHÍ

1. Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; công văn số 5925/BYT-KHTC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số giai đoạn 2016-2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các văn bản của các Bộ, ngành liên quan; Ngân sách địa phương bảo đảm các nội dung chi cụ thể sau:

1.1. Chi thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-

CP, Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/4/2016 và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.

1.2. Chi thực hiện đề án, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ tại địa phương:

+ Đảm bảo kinh phí Kế hoạch thực hiện kế hoạch số 2516/KH-UBND ngày 12/6/2020 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam (phần ngân sách huyện, xã).

- Quy định Thông tư của Bộ Y tế: Thông tư số 01/2021/TT-BYT hướng dẫn một số nội dung đề địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số; Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của CTV dân số; Thông tư số 01/2022/TT-BYT quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

2. Kinh phí địa phương (cấp tỉnh) hỗ trợ để thực hiện các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ công tác dân số năm 2022 (theo Kế hoạch số 2516/KH-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam):

- Tổng số: 88.190 triệu đồng

- Trong đó:

+ Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Kinh phí tổ chức: 18.670 triệu đồng

+ Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (Bảo đảm hậu cần và cung cấp phương tiện tránh thai)

Kinh phí tổ chức: 10.000 triệu đồng

+ Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN

Kinh phí tổ chức: 10.440 triệu đồng

+ Kế hoạch xã hội hóa phương tiện tránh thai và DV KHHGD/SKSS

Kinh phí tổ chức: 2.400 triệu đồng

+ Kế hoạch xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung

Kinh phí tổ chức: 3.600 triệu đồng

+ Kế hoạch tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh .

Kinh phí tổ chức: 6.120 triệu đồng

+ Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Kinh phí tổ chức: 12.240 triệu đồng

+ Kế hoạch truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và Phát triển

Kinh phí tổ chức: 24.720 triệu đồng

3. Các nguồn xã hội hóa huy động vốn hợp pháp khác

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm DS-KHHGD huyện

Chủ trì, phối hợp các ban, ngành và các đoàn thể liên quan của huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Kế hoạch năm 2023. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát nội dung của kế hoạch trên địa bàn huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Lập dự trù kinh phí tham mưu UBND huyện bố trí ngân sách để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác DS&PT trên địa bàn. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND, Ban Chỉ đạo công tác DS&PT huyện theo quy định.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Phối hợp với Trung tâm DS-KHHGD huyện tổ chức tuyên truyền, giáo dục về giới, bình đẳng giới, chăm sóc SKSS vị thành niên tại các trường THCS trên địa bàn.

3. Phòng VH-TT; Trung tâm VH-TT-DL&TT.

Phối hợp với Trung tâm DS-KHHGD huyện tổ chức tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác DS&PT, đưa nội dung chính sách dân số trong quy định hương ước của khu dân cư.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với Trung tâm DS-KHHGD huyện dự trù kinh phí tham mưu UBND huyện bố trí ngân sách thực hiện công tác DS&PT trên địa bàn huyện.

5. UBND các xã, thị trấn

Căn cứ Kế hoạch hướng dẫn của UBND huyện chủ động xây dựng kế hoạch năm 2023; Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách xã, thị trấn để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung hoạt động nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác DS&PT của địa phương.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường hoạt động tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt chính sách DS&PT.

Trên đây là kế hoạch hướng dẫn thực hiện công tác DS&PT năm 2023. UBND huyện đề nghị các phòng, ban, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban liên quan thuộc UBND huyện;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH huyện;
- Thành viên BCĐ DS và PT huyện;
- CVP, các PCVP HỖND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TTDS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Đức Sáu

STT	Đơn vị	Tỷ lệ tăng tự nhiên Dân số (%)
1	TT Lâm Thao	0.68
2	TT Hùng Sơn	0.60
3	Xuân Lũng	0.55
4	Tiên Kiên	0.77
5	Xuân Huy	0.85
6	Sơn Vi	0.67
7	Thạch Sơn	0.69
8	Phùng Nguyên	0.66
9	Tứ Xã	0.85
10	Bản Nguyên	0.71
11	Vĩnh Lại	0.93
12	Cao Xá	0.81
Cộng:		0.73

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO**

**CHỈ TIÊU NGƯỜI MỚI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI
SÀNG LỌC TRƯỚC SINH; SÀNG LỌC SƠ SINH TRONG NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2023)

Biểu 02

Đơn vị tính: Ca

ST	Đơn vị	Vòng	Thuốc cây	Thuốc tiêm	Thuốc uống	Bao cao su	Tổng cộng	Sàng lọc trước sinh		Sàng lọc sơ sinh	
								Số ca sàng lọc trước sinh (%)	TĐ: số đôi tượng được thực hiện miễn phí (bà mẹ mang thai)	Số ca sàng lọc sơ sinh (%)	TĐ: số đôi tượng được thực hiện miễn phí (trẻ sơ sinh)
1	TT Lâm Thao	85	1	7	275	257	625	100	4	70	4
2	TT Hùng Sơn	85	2	7	291	293	678	100	4	70	4
3	Xuân Lũng	48	1	4	115	104	272	100	4	70	3
4	Tiên Kiên	78	1	6	234	217	536	100	4	70	3
5	Xuân Huy	45	1	4	133	124	307	100	3	70	3
6	Sơn Vi	103	2	8	287	260	660	100	4	70	6
7	Thạch Sơn	78	2	6	210	191	487	100	4	70	4
8	Phùng Nguyên	145	3	11	397	373	929	100	6	70	6
9	Tứ Xã	106	2	7	295	277	687	100	4	70	4
10	Bản Nguyên	88	2	6	243	216	555	100	4	70	4
11	Vĩnh Lại	85	2	6	235	221	549	100	4	70	4
12	Cao Xá	104	2	8	285	267	666	100	5	70	5
	Toàn huyện	1.050	21	80	3.000	2.800	6.951	100	50	70	66

